TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH THƯỢNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-ST

Ngày: 07-5-2019

V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan.

2. Ông Nguyễn Hoàng Hổ

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:185/2018/TLST-DS, ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:15/2019/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn*:* Bà Trương Thị H (Bé Sáu), sinh năm 1969 (có mặt)

Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1949 (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Lê Văn H1 (Út Hiền), sinh năm 1981 (có mặt)

Bà Phạm Thị H2, sinh năm 1986 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị H, ông Nguyễn Văn N trình bày:

Năm 2015 vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Lê Văn H1 (sau đây gọi tắt là bà H2, ông H1) có tham gia chơi hụi với vợ chồng bà Trương Thị H, ông Nguyễn Văn N (do bà H làm chủ hụi). Cụ thể dây hụi áp ngày 01/3/2015, gồm 26 hụi viên, giá 3.000.000 đồng/phần hụi, mỗi tháng xổ hụi 01 lần, vợ chồng bà H2, ông H1 tham gia 02 phần hụi, đến ngày 01/4/2017 thì mãn hụi.

Ngày 01/9/2015 vợ chồng ông H1, bà H2 hốt phần hụi thứ nhất được 51.600.000 đồng. Đến ngày 01/02/2016 vợ chồng ông H1 bà H2 hốt phần hụi còn lại được 58.750.000 đồng. Tổng cộng vợ chồng ông H1, bà H2 hốt hụi được 110.350.000 đồng. Sau khi hốt hụi, vợ chồng ông H1, bà H2 đóng hụi chết lại cho bà H không đủ, còn thiếu lại 75.000.000 đồng. Do đó, ngày 31/10/2016 bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông H1, bà H2 trả tiền hụi chết còn thiếu là 75.000.000 đồng. Ngày 16/12/2016 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng xét xử buộc vợ chồng ông H1, bà H2 phải trả cho bà H tiền hụi chết (đến thời điểm xét xử) là 51.000.000 đồng, còn lại 04 tháng tiền hụi chết (từ ngày 01/01/2017 đến 01/4/2017) hai phần tổng cộng là 24.000.000 đồng do chưa đến thời điểm mãn hụi nên không được Tòa án chấp nhận. Tòa án có nhận định trong bản án nếu đến mãn hụi mà vợ chồng ông H1, bà H2 không trả 04 tháng hụi chết còn lại thì vợ chồng bà H, ông N có quyền khởi kiện vợ chồng ông H1, bà H2 để yêu cầu trả số nợ 24.000.000 đồng.

Nay vợ chồng bà H, ông N yêu cầu vợ chồng ông H1, bà H2 trả số tiền hụi chết còn thiếu là 24.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Lê Văn H1 trình bày:

Ông H1 thống nhất theo lời trình bày của vợ chồng bà H, ông N. Ông H1 thừa nhận còn nợ bà H, ông N 04 tháng hụi chết với số tiền 24.000.000 đồng. Ông H1 đồng ý trả số nợ trên cho bà H, ông N, nhưng do gia đình đang gặp khó khăn khi nào có điều kiện sẽ trả.

Đồng bị đơn bà Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); Sổ hộ khẩu (bản sao); Đơn xin xác nhận nơi cư trú (bản gốc); Đơn yêu cầu (bản chính); Biên bản hòa giải ngày 07/12/2018 (bản chính)

Bị đơn cung cấp: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Phạm Thị H có đơn xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà H, ông N với bị đơn ông H1, bà H2 là tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi. Cụ thể bà H, ông N yêu cầu vợ chồng ông H1, bà H2 trả 04 tháng tiền hụi chết còn thiếu là 24.000.000 đồng.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Tại phiên tòa và hòa giải ngày 22/4/2019 ông H1 thừa nhận có tham gia 02 chân hụi và còn thiếu lại vợ chồng bà H, ông N 04 tháng hụi chết với số tiền là 24.000.000 đồng. Lời trình bày của nguyên đơn được bị đơn thừa nhận. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi vợ chồng ông H1, bà H2 trả tiền hụi chết còn thiếu 24.000.000 đồng là có căn cứ.

Xét việc ông H1 thừa nhận còn nợ bà H, ông N 24.000.000 đồng nhưng hẹn khi nào có khả năng trả, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo quy định tại mục 1, phần III, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản quy định: "*Toà án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành"*. Tại phiên tòa vợ chồng ông N, bà H yêu cầu vợ chồng ông H1 bà H2 phải trả toàn bộ số nợ còn thiếu. Do đó việc ông H1 xin trả nợ dần cho vợ chồng bà H, ông N là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất buộc vợ chồng ông H1, bà H2 chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà H, ông N số tiền 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

Về lãi suất: Nguyên đơn bà H và ông N không yêu cầu Tòa án tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vợ chồng ông H1, bà H2 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Bà H, ông N được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004371 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng: Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; khoản 1 Điều 20, khoản 1 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị H, ông Nguyễn Văn N đối với bị đơn ông Lê Văn H1, bà Phạm Thị H về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi.

2. Buộc vợ chồng ông Lê Văn H1, bà Phạm Thị H chịu trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng bà Trương Thị H, ông Nguyễn Văn N tiền hụi chết còn thiếu là 24.000.000 đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

3. Về lãi suất: Nguyên đơn bà H, ông N không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong số tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vợ chồng ông H1, bà H2 phải chịu tiền án phí là 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng).

Bà H, ông N được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004371 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

***Nơi nhận*:**

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;

- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;

- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;

- Các đương sự;

- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh